

## BÁO CÁO

### Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý II năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu (*chi tiết tại các Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm*) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông 06 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

#### I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 06 tháng đầu năm 2023 là 1.528 tỷ đồng, đạt 49% dự toán Trung ương, 42% dự toán địa phương, giảm 22% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 1.406 tỷ đồng, đạt 48% dự toán Trung ương, 41% dự toán địa phương, giảm 25% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Thống kê sơ bộ (trên cơ sở kết quả thu NSNN Quý II/2023) có 07/13 khoản thu không đạt tiến độ theo dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (dưới 50% dự toán).

a) Đa số các khoản thu, sắc thuế lớn đều chậm tiến độ, cụ thể như sau:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý 10 tỷ đồng, đạt 48% dự toán giao, giảm 8% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (khoảng 891 triệu đồng).

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 36 tỷ đồng, đạt 51% dự toán Trung ương, 45% dự toán địa phương, giảm 23% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (khoảng 18 tỷ đồng).

- Thu từ khu vực Công thương nghiệp ngoài quốc doanh 349 tỷ đồng, đạt 49% dự toán Trung ương, 48% dự toán địa phương.

- Thuế thu nhập cá nhân 115 tỷ đồng, đạt 45% dự toán Trung ương, 31% dự toán địa phương, giảm 62% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (khoảng 185 tỷ đồng). Nguyên nhân là do thị trường bất động sản trầm lắng kéo theo các khoản thu liên quan đến đất như thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản cũng giảm theo, theo đánh giá thì thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản giảm 78% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế bảo vệ môi trường 60 tỷ đồng, đạt 31% dự toán giao, giảm 36% so với cùng kỳ năm trước (khoảng 34 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do các tháng đầu năm 2023 nguồn thu sụt giảm do ảnh hưởng bởi chính sách giảm mức thu thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15; Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 và Nghị quyết 30/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Lệ phí trước bạ 75 tỷ đồng, đạt 38% dự toán Trung ương, 33% dự toán địa phương, giảm 56% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lệ phí trước bạ nhà đất giảm 75% so với cùng kỳ, lệ phí trước bạ ô tô giảm 40% so với cùng kỳ; nguyên nhân do từ đầu năm 2023, không còn áp dụng mức ưu đãi lệ phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước nên không còn kích cầu tiêu dùng; thị trường bất động sản đi xuống, kéo theo số thu lệ phí trước bạ đất đai, ô tô, xe máy giảm so với 06 tháng đầu năm 2022.

- Các khoản thu về nhà, đất 181 tỷ đồng, đạt 31% dự toán Trung ương, 20% dự toán địa phương, giảm 63% so với cùng kỳ năm trước (trong đó, thu tiền sử dụng đất giảm 65%, tương đương 308 tỷ đồng).

b) Một số khoản thu có tăng nhưng không có nhiều đột biến so với cùng kỳ năm trước như:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý 338 tỷ đồng, đạt 65% dự toán Trung ương, 62% dự toán địa phương, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước. Một số doanh nghiệp thuộc khu vực này có số thu đạt khá (do hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và có tăng trưởng) như: Chi nhánh nhà máy Alumin Nhân Cơ; Công ty Thủy điện Đồng Nai 3,4,5; ...

- Thu phí, lệ phí 119 tỷ đồng, đạt 64% dự toán giao, tăng 17% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản chiếm tỷ trọng 74,5% số thu, tăng 55% so với cùng kỳ năm trước), nguyên nhân tăng so với cùng kỳ năm trước do: năm 2022 có chính sách giảm mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo quy định tại Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính; hoạt động sản xuất kinh doanh (khai thác) của Chi nhánh nhà máy Alumin Nhân Cơ - Vinacomin, Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam được duy trì ổn định, có tăng trưởng.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 46 tỷ đồng, đạt 50% dự toán giao, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (bao gồm cả hoạt động xổ số điện toán) 17 tỷ đồng, đạt 67% dự toán giao, tăng 28% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu khác ngân sách 60 tỷ đồng, đạt 67% dự toán giao, tăng 44% so với cùng kỳ năm trước (trong đó thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ chiếm tỷ trọng 39,5%).

2. Thu xuất nhập khẩu 117 tỷ đồng, đạt 65% dự toán, giảm 14% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do các dự án điện gió tạm ngừng nhập khẩu máy móc thiết bị, kim ngạch xuất khẩu alumin cũng giảm mạnh so với cùng kỳ, kim ngạch nhập khẩu có thuế của các doanh nghiệp thường xuyên làm thủ tục tại Chi cục cũng giảm so với cùng kỳ năm 2022.

3. Thu huy động đóng góp là 5,5 tỷ đồng.

\* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 06 tháng đầu năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là tiền sử dụng đất. Theo đánh giá sơ bộ, nguồn thu ngân sách địa phương năm 2023 sụt giảm khoảng 145 tỷ đồng từ điện gió; thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng, kinh doanh bất động sản và các khoản thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Ngoài ra trong năm 2023, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện một số chính sách miễn, giảm thuế theo quy định Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành, trung ương, như:

+ Giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo quyết định, hợp đồng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hằng năm do ảnh hưởng của dịch Covid -19 theo Nghị quyết 07/NQ-CP ngày 30/01/2023 của Chính phủ.

+ Chính sách giảm thuế GTGT; chi phí được giảm trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có quy định mới.

- Tỷ lệ nợ thuế trên tổng thu nội địa vẫn ở mức cao so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 19/4/2017. Tổng số tiền thuế nợ khoảng 198 tỷ đồng. Trong đó, nợ có khả năng thu là 176 tỷ đồng (chiếm 89% tổng nợ thuế), nợ khó thu là 22 tỷ đồng (chiếm 11% tổng nợ thuế).

- Các dự án được phép thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để cho thuê, đấu giá quyền sử dụng đất được tỉnh phê duyệt đến nay vẫn chưa thể tổ chức các khâu cần thiết để đấu giá quyền sử dụng đất; một số dự án thu hồi đất đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho các tổ chức thuê lại nhưng doanh nghiệp triển khai chậm tiến độ hoặc chưa triển khai, do đó vẫn chưa thể huy động số tiền thuê đất từ các dự án này.

## **II. Chi ngân sách địa phương (NSDP):**

Tổng chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm 2023 là 4.368 tỷ đồng, đạt 48% dự toán. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 2.312 tỷ đồng (bao gồm các khoản chi từ nguồn chuyển nguồn năm trước sang), đạt 61% dự toán. Riêng tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 vẫn còn khá khiêm tốn và thấp hơn tỷ lệ giải ngân cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Các dự án mới được giao vốn, các chủ đầu tư đang thực hiện công tác phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, tổ chức lựa chọn nhà thầu nên chưa có khối lượng để thanh toán.

- Nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết trong những tháng đầu năm còn thấp, nên chưa có nguồn để giải ngân.

- Một số dự án vướng quy hoạch Alumina, chưa thể triển khai thực hiện theo quy định.

2. Chi thường xuyên 2.054 tỷ đồng, đạt 40% dự toán. Trong đó: chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề 932 tỷ đồng, đạt 44% dự toán; chi sự nghiệp khoa học, công nghệ 13 tỷ đồng, đạt 71% dự toán.

\* Nhìn chung, chi NSDP 06 tháng đầu năm 2023 được phân bổ đảm bảo thời gian theo quy định; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi thường xuyên; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương, đặc biệt là công tác phòng, chống và hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, giải ngân vốn đầu tư công còn thấp, chưa đảm bảo tiến độ. Nguyên nhân là do một số dự án đã được giao kế hoạch vốn nhưng do vướng mắc trong công tác tổ chức bồi thường hỗ trợ tái định cư, nên không có mặt bằng để bàn giao cho nhà thầu thi công; các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chưa quyết liệt đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án để có khối lượng giải ngân vốn đối với nguồn vốn kéo dài.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm 2023 của Tỉnh Đắk Nông./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TT).



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Chiến**



CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2023  
(Kèm theo Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Dự toán năm 2023	Thực hiện 06 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	9.109.593	6.625.884	73	122
I	Thu cân đối NSDP	3.275.534	1.316.223	40	75
1	Thu nội địa	3.275.534	1.316.223	40	75
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
II	Thu huy động đóng góp	-	5.480		90
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	2.914.249		222
IV	Thu kết dư ngân sách		255		
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		10.624		141
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.834.059	2.379.309	41	100
B	TỔNG CHI NSDP	9.156.793	4.367.508	48	116
1	Chi đầu tư phát triển	3.773.720	2.311.723	61	135
2	Chi thường xuyên	5.090.420	2.053.542	40	100
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.800	1.243	33	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	
5	Dự phòng ngân sách	132.836	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	155.017		-	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				

2



## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2023

Kế hoạch Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

Đơn vị: Triệu đồng

STT	B	Dự toán 2023 TW giao	Dự toán 2023 ĐP giao	Thực hiện 06 tháng	Cùng kỳ năm trước	So sánh thực hiện với (%)		
						Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6	
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>3.135.600</b>	<b>3.650.000</b>	<b>1.528.460</b>	<b>1.958.246</b>	<b>49</b>	<b>42</b>	<b>78</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.955.600</b>	<b>3.470.000</b>	<b>1.405.950</b>	<b>1.862.350</b>	<b>48</b>	<b>41</b>	<b>75</b>
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	519.000	543.300	338.121	248.096	65	62	136
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	20.000	20.000	9.690	10.581	48	48	92
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	70.000	78.600	35.511	55.174	51	45	67
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	711.000	726.300	348.990	295.121	49	48	118
5	Thuế thu nhập cá nhân	257.000	375.100	114.704	300.033	45	31	38
6	Thuế bảo vệ môi trường	195.000	195.000	60.159	93.963	31	31	64
7	Lệ phí trước bạ	200.000	232.100	75.435	171.863	38	33	44
8	Các loại phí, lệ phí	187.000	187.000	119.216	101.749	64	64	117
9	Các khoản thu về nhà, đất	587.300	903.300	180.699	488.173	31	20	37
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				8			-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	300	410	283	137	137	145
-	Thu tiền sử dụng đất	550.000	866.000	166.097	474.319	30	19	35
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	37.000	37.000	14.193	13.563	38	38	105
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NV							
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	92.000	92.000	45.936	44.167	50	50	104
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	300	300	229	215	76	76	107
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	27.000	27.000	17.385	13.547	64	64	128
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác							
14	Thu khác ngân sách	90.000	90.000	59.875	41.669	67	67	144
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	-	-	-	-			
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>180.000</b>	<b>180.000</b>	<b>117.030</b>	<b>89.774</b>	<b>65</b>	<b>65</b>	<b>130</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	12.000	12.000	48.751	6.187	406	406	788
2	Thuế xuất khẩu	165.000	165.000	60.295	83.257	37	37	72
3	Thuế nhập khẩu	3.000	3.000	7.982	325	266	266	2.454
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu							
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu							
6	Thu khác			3	5			53
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>							
<b>V</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>			<b>5.480</b>	<b>6.123</b>			<b>90</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>2.771.310</b>	<b>3.275.534</b>	<b>1.310.743</b>	<b>1.754.229</b>	<b>47</b>	<b>40</b>	<b>75</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	1.249.000	1.392.100	672.599	741.491	54	48	91
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.522.310	1.883.434	638.143	1.012.738	42	34	63

7



## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 46/BC-LBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	Thực hiện 06 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	<b>TỔNG CHI NSĐP</b>	<b>9.156.793</b>	<b>4.367.508</b>	<b>48</b>	<b>116</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.773.720</b>	<b>2.311.723</b>	<b>61</b>	<b>135</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.554.520	2.308.972	65	139
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	219.200	2.751	1	5
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.090.420</b>	<b>2.053.542</b>	<b>40</b>	<b>100</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.130.702	932.134	44	106
2	Chi khoa học và công nghệ	17.710	12.538	71	115
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		221.079		85
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		38.461		119
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		17.784		98
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		4.407		63
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		12.828		110
8	Chi sự nghiệp kinh tế		162.641		123
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		479.740		104
10	Chi bảo đảm xã hội		77.513		65
<b>III</b>	<b>Chi trả lãi các khoản vay</b>	<b>3.800</b>	<b>1.243</b>	<b>33</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>155.017</b>		<b>-</b>	
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100</b>	
<b>VI</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>132.836</b>		<b>-</b>	

/